

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2021
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị L – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày: Chị và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống với nhau là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, việc không đăng ký kết hôn là do thiếu am hiểu pháp luật. Lý do chị làm đơn đề nghị không công nhận vợ chồng với anh C là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh C sống gia trưởng, không tôn trọng, không quan tâm và thường xuyên xúc phạm chị. Chị L không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị và anh C là vợ chồng.

Về con chung và về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết (các con đã trưởng thành).

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh C thừa nhận lời trình bày của chị L về quá trình chung sống của anh với chị L là đúng. Anh và chị L chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện từ năm 1991 đến nay không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm, hai người không có nghề nghiệp ổn định nên kinh tế gia đình khó khăn, chị L sống không có trách nhiệm với gia đình, hiện tại các con đều đã trưởng thành và anh C cũng không còn tình cảm với chị L, vì vậy anh C yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Đồng Thị L và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về án phí: Chị Đồng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0001404 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Đồng Thị L khởi kiện anh Nguyễn Văn C về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 2, xã DBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị L và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, tuy đủ điều kiện để kết hôn nhưng chị L và anh C không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, anh C và chị L đều sống

không có trách nhiệm với nhau và với gia đình. Tình cảm dành cho nhau không còn, do đó chị L và anh C đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị L và anh C không hợp pháp và đều thống nhất quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận chị L và anh C là vợ chồng.

[3] Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức về nội dung vụ án có là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình 2000; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/UBTVQH10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Đồng Thị L và anh Nguyễn Văn C là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Đồng Thị L phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai số 0001404 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- STP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

